

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,185.68	754	15,220,000
Được chi trong ngày					15,220,000
Đã chi trong ngày					15,220,000
1. Dịch vụ					1,524,600
1	Dịch vụ thu		0	391	0
2	Dịch vụ thu		4,200	363	1,524,600
3			0	363	0
2. Kho					2,595,644
Ăn chính					2,595,644
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	34	782,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					11,099,756
Ăn sáng					3,920,400
1	Nước dừa tươi	Trái	15,000	4	60,000
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	2.5	62,500
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	1	80,000
4	Hành tây	Kg	20,000	3.2	64,000
5	Tỏi	Kg	150,000	0.9	135,000
6	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
7	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
8	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
9	Gừng tươi	Kg	60,000	0.5	30,000
10	Bột bắp	Kg	60,000	2	120,000
11	Muối iốt	Gói	4,000	2.23	8,900
12	Ngò gai	Kg	50,000	1	50,000
13	Đường phèn	Kg	35,000	0.5	17,500
14	Ngò rí	Kg	60,000	1	60,000
15	Sả cây	Kg	15,000	1	15,000
16	Hủ tiếu khô	Kg	45,000	12	540,000
17	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
18	Thịt bò	Kg	260,000	9.5	2,470,000
Ăn chính					7,179,356
1	Khoai sọ	Trái	35,000	2.5	87,500
2	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
3	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
4	Dưa hấu	Kg	15,000	35	525,000
5	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.7	85,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đ	Chai	130,000	6	780,000
7	Trứng gà	Kg	4,000	50	200,000
8	Đường cát	Chai	30,000	1.3	39,000
9	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
10	Xì dầu	Kg	8,000	1	8,000
11	Dầu hào maggi	Gói	35,000	0.5	17,500
12	Muối iốt	Kg	4,000	1.96	7,856
13	Đường phèn	Kg	35,000	0.7	24,500
14	Ngò rí	Kg	60,000	1.4	84,000
15	Nước cốt dừa	Kg	30,000	4	120,000
16	Hành lá	Kg	50,000	1.4	70,000

17	Bí đỏ	Kg	30,000	9.6	288,000
18	Thịt bò	Kg	260,000	9	2,340,000
19	Chả cá Nhông	Kg	180,000	7.5	1,350,000
20	Rau Cải Xanh	Kg	35,000	18	630,000
21	Củ dền	Kg	30,000	5	150,000
22	Dầu cá Raneekids	Chai	68,000	1	68,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					29,624,704
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					120,870,696
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					8,285
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					167,245,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					167,245,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà



Phó hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Huế